

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2017/HNGĐ- ST

Ngày: 05/12/2017

*V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Mạc Văn Khu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp- Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 321/2017/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2017 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2017/QĐXX- ST ngày 20/11/2017, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thúy D**, sinh năm 1975*

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương

*Bị đơn: Anh **Hoàng Văn C**, sinh năm 1975*

Địa chỉ: khu B, thị trấn M, huyện K, tỉnh Hải Dương

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2017, bản tự khai, biên bản làm việc nguyên đơn chị Trần Thị Thúy D trình bày: Chị D và anh C được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/02/2013. Sau kết hôn vợ chồng chung sống và làm ăn kinh tế tại địa phương, cùng nhau nuôi dạy con chung. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng cũng vui vẻ bình thường. Tuy nhiên khoảng hai năm nay, vợ chồng không thống nhất trong việc phát triển kinh tế và việc nuôi dạy con chung nên xảy ra bất đồng xô sát, cuộc sống không có hạnh phúc. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải vợ chồng nhưng đều không có kết quả, tình trạng vợ chồng không được cải thiện. Do mâu thuẫn căng thẳng nên nhiều năm nay hai bên sống ly thân, chị D làm ăn sinh sống tại xã T, còn anh C làm ăn sinh sống tại thị trấn M, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị D thấy vợ chồng không còn cơ hội hàn gắn, đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn anh C để mỗi bên có điều kiện tạo lập cuộc sống mới;

Về con chung: Vợ chồng có con chung là Hoàng Thiên H, sinh ngày 05/5/2014. Hiện cháu H đang ở cùng và được chị chăm lo ăn học đầy đủ bằng bạn bè tại xã T. Chị D có nghề nghiệp và thu nhập ổn định hàng tháng đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con nên đề nghị được nuôi cháu H, chị tự nguyện không yêu cầu anh C hàng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị đến khi con chung trưởng thành;

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên chồng, bên vợ) của vợ chồng: Hiện chị D, anh C không có gì tranh chấp phải giải quyết trong vụ án;

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành thủ tục giao cho anh C thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên hòa giải của Tòa án nhưng anh C đều không chấp hành việc có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/11/2017, anh Hoàng Văn C trình bày: Anh C, chị D được tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/02/2013. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu vui vẻ hòa thuận, nhưng nhiều năm nay do quan điểm sống khác nhau, hai bên không thống nhất trong cách làm ăn kinh tế và việc nuôi dạy con chung nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nhiều tháng nay vợ chồng sống ly thân là sự thực. Nay, chị D làm thủ tục ly hôn anh C không có ý kiến thắc mắc gì vì đó là quyền của chị D, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh vì anh bận công việc làm ăn nên không đến Tòa án được. Về con chung: Vợ chồng anh có con chung là Hoàng Thiên H, sinh ngày 05/5/2014. Thực

tế từ trước đến nay cháu H ở cùng mẹ, được mẹ chăm lo nuôi dưỡng đầy đủ. Nay, chị D đề nghị được nuôi con chung khi ly hôn, anh không thắc mắc gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên chồng, bên vợ) của vợ chồng: Hiện anh C, chị D không có gì tranh chấp phải giải quyết trong vụ án;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị D được ly hôn anh C. Về con chung, xử giao cho chị D được quyền nuôi con là Hoàng Thiên H, sinh ngày 05/5/2014. Chấp nhận việc chị D tự nguyện không yêu cầu anh C hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị D đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung hai bên gia đình của vợ chồng: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí, xử: Chị D phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay chị D và anh C vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị được vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị D, anh C được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/02/2013 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Anh C đang cư trú tại huyện Kinh Môn nên Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn thụ lý đơn khởi kiện của chị D là đúng thẩm quyền.

[2] Căn cứ đơn và yêu cầu của chị D xin ly hôn và giao nuôi con chung thì thấy: Qua lời khai của các đương sự, cung cấp của đại diện chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú, lời trình bày của đại diện gia đình nguyên đơn và các tài liệu được thu thập trong vụ án phản ánh cuộc sống vợ chồng chị D, anh C nhiều năm nay không được hoà thuận, hạnh phúc, hai bên có sự khác biệt về quan điểm sống, không thống nhất trong cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình cũng như việc nuôi dạy con chung, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xô sát không thể tự giải quyết được, gia

đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không được cải thiện. Khoảng hai năm nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc là đúng thực tế. Anh C mặc dù đã nhận được thông báo phiên hòa giải nhưng cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải chứng tỏ anh C cũng không có ý thức mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định cuộc sống vợ chồng chị D, anh C đến nay thực sự không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị D, xử cho chị D được ly hôn anh C là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật ;

[3] *Về con chung*: Vợ chồng chị D, anh C có con chung là Hoàng Thiên H, sinh ngày 05/5/2014. Chị D và anh C cùng xác định thực tế nhiều tháng vừa qua cháu H đang ở cùng chị D và được chị D chăm lo ăn học đầy đủ bằng bạn bè tại xã Tân Dân. Chị D hiện đang công tác tại trường THCS xã T có thu nhập ổn định, được gia đình hỗ trợ cho chỗ ở ổn định sau ly hôn. Do vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi cho con chung. Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị D được quyền nuôi cháu H và chấp nhận việc chị D tự nguyện không yêu cầu anh C hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị D đến khi con chung trưởng thành là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[4] *Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng)*: Hiện chị D, anh C không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[5] Theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, chị D phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh C không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thúy D được ly hôn anh Hoàng Văn C ;

2. *Về nuôi con chung*: Giao cho chị Trần Thị Thúy D được nuôi con là Hoàng Thiên H, sinh ngày 05/5/2014.

Chấp nhận việc chị Trần Thị Thúy D không yêu cầu anh Hoàng Văn C hàng tháng không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị D đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Không xem xét, giải quyết trong vụ án.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị Thúy D phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001265 ngày 04/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Chị D đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

5. *Án xử công khai sơ thẩm*. Tòa án báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kinh Môn;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn M;
- Chi cục thi hành án DS huyện Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, V.P

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuyết